

Số: /2026/QĐ-CTUBND

Đồng Nai, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý Hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 8507/TTr-SNV ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý Hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định sau:

a) Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quy chế quản lý Hòa giải viên lao động.

b) Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế quản lý Hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Chánh, các PCVP.UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai
(đăng Cổng thông tin điện tử);
- UBND các xã, phường;
- Lưu VT, KGVX (toth).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Sơn

QUY CHẾ

Quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-CTUBND)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về tiêu chuẩn, trách nhiệm, nghĩa vụ của hòa giải viên lao động. Tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động. Nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của hòa giải viên lao động. Thẩm quyền, trình tự cử hòa giải viên lao động. Quy trình thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động. Chế độ, điều kiện làm việc của hòa giải viên lao động.

2. Đối tượng áp dụng

- Hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Sở Nội vụ, Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây viết tắt là Phòng Văn hóa - Xã hội).
- Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động

Hòa giải viên lao động thực hiện nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14, cụ thể:

- Tôn trọng quyền tự định đoạt thông qua thương lượng của các bên trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp lao động.
- Coi trọng giải quyết tranh chấp lao động thông qua hòa giải, trọng tài trên cơ sở tôn trọng quyền và lợi ích của hai bên tranh chấp, tôn trọng lợi ích chung của xã hội, không trái pháp luật.
- Công khai, minh bạch, khách quan, kịp thời, nhanh chóng và đúng pháp luật.
- Bảo đảm sự tham gia của đại diện các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp lao động.

5. Việc giải quyết tranh chấp lao động do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động tiến hành sau khi có yêu cầu của bên tranh chấp hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền được các bên tranh chấp đồng ý.

Chương II

TIÊU CHUẨN, TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI, MIỄN NHIỆM HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 3. Tiêu chuẩn hòa giải viên lao động

Theo quy định tại Điều 92 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ:

1. Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật Dân sự, có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt.
2. Có trình độ đại học trở lên và có ít nhất 03 năm làm việc trong lĩnh vực có liên quan đến quan hệ lao động.
3. Không thuộc diện đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích.

Điều 4. Trình tự và thủ tục bổ nhiệm hòa giải viên lao động

Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 93 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 129/2025/NĐ-CP, cụ thể:

1. Lập kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động

a) Quý I hằng năm, Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm rà soát nhu cầu tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý để lập kế hoạch và báo cáo Sở Nội vụ trước ngày 31 tháng 3 hằng năm; việc lập kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động gắn với thực tiễn tình hình quan hệ lao động tại địa phương theo các tiêu chí cơ bản như sau:

- Quy mô doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và số lượng lao động trong doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đóng trên địa bàn.
- Số khu công nghiệp, quy mô lao động trong khu công nghiệp trên địa bàn.
- Hoạt động quản lý của đầu mối tiếp nhận, xử lý yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động; số vụ việc tranh chấp lao động cá nhân, kết quả giải quyết tranh chấp của từng hòa giải viên lao động và của đội ngũ hòa giải viên lao động ở từng địa bàn và toàn tỉnh.

- Số vụ ngừng việc tập thể, lãn công, đình công xảy ra trên địa bàn.

b) Sở Nội vụ tổng hợp kế hoạch của các Phòng Văn hóa - Xã hội và kế hoạch của Sở Nội vụ để xây dựng thành kế hoạch chung của toàn tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Trình tự, thủ tục tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động

a) Căn cứ kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Nội vụ có văn bản thông báo công khai việc tuyển chọn hòa giải viên lao động trên địa bàn thông qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và trên phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời gửi Phòng Văn hóa - Xã hội để phối hợp thực hiện.

b) Trong thời hạn đăng ký ghi trong thông báo tuyển chọn hòa giải viên lao động của Sở Nội vụ, cá nhân trực tiếp đăng ký hoặc được các cơ quan, đơn vị của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức khác giới thiệu tham gia dự tuyển hòa giải viên lao động với Sở Nội vụ hoặc Phòng Văn hóa - Xã hội.

Hồ sơ dự tuyển gồm:

- Đơn dự tuyển hòa giải viên lao động;
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cấp có thẩm quyền;
- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định của Bộ Y tế;
- Bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu các văn bằng, chứng chỉ liên quan;
- Văn bản giới thiệu tham gia làm hòa giải viên lao động của các cơ quan, tổ chức liên quan (nếu có).

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ ghi trong thông báo tuyển chọn hòa giải viên lao động, Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm rà soát người đủ tiêu chuẩn, tổng hợp báo cáo Sở Nội vụ thẩm định.

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Nội vụ thẩm định các hồ sơ dự tuyển (kể cả các hồ sơ do Sở Nội vụ trực tiếp nhận), lựa chọn và lập danh sách vị trí bổ nhiệm của từng hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nội vụ và của Phòng Văn hóa - Xã hội, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ nhiệm.

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm hòa giải viên lao động. Thời hạn bổ nhiệm hòa giải viên lao động tối đa không quá 05 năm.

3. Sở Nội vụ, Phòng Văn hóa - Xã hội công khai, cập nhật, đăng tải danh sách họ tên, địa bàn phân công hoạt động, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của hòa giải viên lao động được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương để người lao động, người sử dụng lao động biết và liên hệ.

Điều 5. Bổ nhiệm lại hòa giải viên lao động

1. Ít nhất 03 tháng trước khi kết thúc thời hạn bổ nhiệm, nếu hòa giải viên lao động có nhu cầu tiếp tục làm hòa giải viên lao động thì gửi đơn đề nghị bổ nhiệm lại đến Sở Nội vụ.

2. Căn cứ kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động hằng năm đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; kết quả rà soát tiêu chuẩn, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động theo phân cấp quản lý; trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị bổ nhiệm lại của hòa giải viên lao động, Sở Nội vụ có văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm lại đối với các trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện.

Điều 6. Miễn nhiệm hòa giải viên lao động

1. Hòa giải viên lao động miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có đơn xin thôi làm hòa giải viên lao động.

b) Không đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Quy chế này.

c) Có hành vi vi phạm pháp luật làm phương hại đến lợi ích các bên hoặc lợi ích của Nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật.

d) Có 02 năm bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ theo Quy chế này.

đ) Từ chối nhiệm vụ hòa giải từ 02 lần trở lên khi được cử tham gia giải quyết tranh chấp lao động hoặc tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề mà không có lý do chính đáng theo quy định tại quy chế quản lý hòa giải viên lao động.

2. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm hòa giải viên lao động thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 94 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.

Chương III

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CỬ HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 7. Thẩm quyền cử hòa giải viên lao động

Sở Nội vụ hoặc Phòng Văn hóa - Xã hội cử hòa giải viên lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 129/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Sở Nội vụ cử hòa giải viên lao động do Sở quản lý thực hiện nhiệm vụ hòa giải trên địa bàn tỉnh.
2. Phòng Văn hóa - Xã hội cử hòa giải viên lao động do Phòng quản lý thực hiện nhiệm vụ hòa giải trên địa bàn.
3. Trong trường hợp có đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp hoặc vụ việc yêu cầu giải quyết tranh chấp có nội dung, tính chất phức tạp, Sở Nội vụ thực hiện cử hòa giải viên lao động tham gia hòa giải theo quy định.

Điều 8. Nguyên tắc trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động

Trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 129/2025/NĐ-CP, trong đó phải bảo đảm:

1. Việc cử hòa giải viên lao động được thực hiện theo Điều 7 nêu trên, trong đó xác định rõ phạm vi, địa bàn hoạt động; kế hoạch công tác hằng năm về hỗ trợ phát triển quan hệ lao động và yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động.
2. Đơn vị có trách nhiệm cử hòa giải viên lao động phải khẩn trương tiến hành thủ tục cử hòa giải viên lao động sau khi tiếp nhận yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động.
3. Trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động phải đảm bảo đơn giản, nhanh chóng để tạo điều kiện cho hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ.
4. Hình thức cử hòa giải viên lao động được thực hiện bằng văn bản làm căn cứ để giải quyết chế độ đối với hòa giải viên lao động theo quy định.

Điều 9. Trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động

1. Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề và yêu cầu hỗ trợ phát triển quan hệ lao động được gửi đến Sở Nội vụ hoặc Phòng Văn hóa - Xã hội hoặc hòa giải viên lao động.

Trường hợp hòa giải viên lao động trực tiếp nhận đơn yêu cầu từ đối tượng tranh chấp đề nghị giải quyết thì trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận đơn, hòa giải viên lao động phải chuyển cho Sở Nội vụ hoặc Phòng Văn hóa - Xã hội đang quản lý hòa giải viên lao động để phân loại xử lý.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, theo phân cấp quản lý, Sở Nội vụ hoặc Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm phân loại và có văn bản cử hòa giải viên lao động giải quyết theo quy định.

Trường hợp tiếp nhận đơn từ hòa giải viên lao động thì trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận đơn, theo phân cấp quản lý, Sở Nội vụ hoặc Phòng Văn hóa - Xã hội ra văn bản cử hòa giải viên lao động theo quy định.

3. Tùy theo tính chất phức tạp của vụ việc, Sở Nội vụ hoặc Phòng Văn hóa - Xã hội có thể cử một hoặc một số hòa giải viên lao động cùng tham gia giải quyết.

Chương IV

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 10. Nhiệm vụ của hòa giải viên lao động

1. Hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14, bao gồm:

- a) Hòa giải tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề.
- b) Hỗ trợ phát triển quan hệ lao động.

2. Nhiệm vụ hỗ trợ phát triển quan hệ lao động trên địa bàn tỉnh bao gồm một số hoạt động như sau:

- a) Hỗ trợ người lao động, tổ chức đại diện người lao động, người sử dụng lao động đối thoại, thương lượng tập thể.
- b) Hỗ trợ tư vấn pháp luật cho tổ chức đại diện của người lao động tại cơ sở.
- c) Tham gia xử lý các vụ đình công không đúng trình tự pháp luật theo phân công.
- d) Tham gia thu thập thông tin về quan hệ lao động, phối hợp xây dựng hệ thống quản lý vụ việc hòa giải tranh chấp lao động.

đ) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành do hòa giải viên lao động trực tiếp giải quyết; kịp thời thông báo cho cơ quan quản lý hòa giải viên những vấn đề phát sinh.

e) Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xây dựng và hoàn thiện các công cụ quản trị theo quy định của pháp luật lao động.

g) Theo dõi, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động tại địa bàn, khu công nghiệp hoặc một số doanh nghiệp có đông lao động, có tình hình quan hệ lao động phức tạp theo phân công.

Điều 11. Quyền của hòa giải viên lao động

Hòa giải viên lao động trong phạm vi nhiệm vụ của mình có các quyền theo quy định tại Điều 183, Điều 188 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 và Điều 96 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP, cụ thể:

1. Quyền yêu cầu các bên tranh chấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ, trưng cầu giám định, mời người làm chứng và người có liên quan.

2. Quyền hỗ trợ các bên thương lượng, thỏa thuận và đề xuất phương án giải quyết tranh chấp lao động để các bên thương lượng, thỏa thuận.

3. Quyền tham khảo ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn về lĩnh vực tranh chấp.

4. Được hưởng các chế độ, điều kiện làm việc theo quy định.

Điều 12. Nghĩa vụ của hòa giải viên lao động

Hòa giải viên lao động có nghĩa vụ theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 và Mục 1 Chương XI Nghị định số 145/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 129/2025/NĐ-CP, cụ thể:

1. Thực hiện nhiệm vụ hòa giải tranh chấp lao động và tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của cơ quan quản lý hòa giải viên lao động.

2. Tuân thủ quy trình, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động theo quy định của pháp luật, Quy chế này và quy trình tiếp nhận, yêu cầu xử lý giải quyết tranh chấp lao động của Sở Nội vụ.

3. Không được từ chối nhiệm vụ khi được cử tham gia giải quyết tranh chấp lao động hoặc hỗ trợ phát triển quan hệ lao động mà không có lý do chính đáng.

4. Không được nhận tiền, lợi ích từ các bên tranh chấp, chủ thể có liên quan hoặc có hành vi vi phạm pháp luật làm phương hại đến lợi ích của các bên

hoặc lợi ích của Nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

5. Bảo mật các thông tin, tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp trong quá trình hòa giải tranh chấp lao động (kể cả trước và sau khi kết thúc hòa giải tranh chấp), trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Thực hiện chế độ báo cáo (định kỳ, đột xuất, vụ việc).

Chương V

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP CỦA HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 13. Trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp lao động cá nhân của hòa giải viên lao động

1. Tranh chấp lao động cá nhân phải được giải quyết thông qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động trước khi yêu cầu Hội đồng Trọng tài lao động hoặc Tòa án giải quyết, trừ các tranh chấp lao động sau đây không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải:

a) Về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải hoặc về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

b) Về bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động.

c) Giữa người giúp việc gia đình với người sử dụng lao động.

d) Về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế, về bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về việc làm, về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

đ) Về bồi thường thiệt hại giữa người lao động với doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

e) Giữa người lao động thuê lại với người sử dụng lao động thuê lại.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hòa giải viên lao động nhận được yêu cầu từ bên yêu cầu giải quyết tranh chấp hoặc từ Sở Nội vụ hoặc Phòng Văn hóa - Xã hội, hòa giải viên lao động phải kết thúc việc hòa giải.

3. Việc tiến hành hòa giải tranh chấp được thực hiện theo các bước sau:

a) Hòa giải viên lao động tiếp nhận đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động. Xác định thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp theo quy định tại Điều 190 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14.

b) Nghiên cứu vụ việc, tiếp cận với các bên tranh chấp

Hòa giải viên xác định rõ tính chất và mức độ phức tạp của vụ việc, tìm hiểu và làm rõ các nội dung tranh chấp, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp và tập hợp các tài liệu có liên quan.

c) Thu thập tài liệu, chứng cứ

Hòa giải viên lao động phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để bảo đảm có tài liệu, chứng cứ cần thiết; tham khảo thêm ý kiến của đại diện tập thể lao động tại cơ sở và lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý người lao động (nếu có).

d) Tổ chức phiên họp hòa giải

Khi tổ chức phiên họp hòa giải tranh chấp lao động cá nhân, hòa giải viên lao động cần lưu ý:

- Thông qua văn bản cử hòa giải viên lao động.
- Xác định thành phần tham gia phiên họp, bảo đảm sự có mặt của các bên tranh chấp. Các bên tranh chấp có thể ủy quyền cho người khác tham gia phiên họp hòa giải.
- Tiến hành cuộc họp: Hòa giải viên lao động chủ trì, điều hành phiên họp, tạo điều kiện cho các bên tham gia phát biểu ý kiến và nêu quan điểm của mình về nội dung tranh chấp. Căn cứ các quy định của pháp luật lao động, hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động và các quy chế nội bộ khác của doanh nghiệp, hòa giải viên lao động phân tích những vấn đề đúng/sai, phù hợp hoặc chưa phù hợp với quy định của pháp luật lao động để hướng dẫn, hỗ trợ các bên thương lượng giải quyết tranh chấp.

đ) Thông qua kết quả hòa giải

- Trường hợp các bên thỏa thuận được, hòa giải viên lao động lập biên bản hòa giải thành. Biên bản hòa giải thành phải có chữ ký của các bên tranh chấp và hòa giải viên lao động.

- Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì hòa giải viên lao động đưa ra phương án hòa giải để các bên xem xét.

+ Trường hợp các bên chấp nhận phương án hòa giải thì hòa giải viên lao động lập biên bản hòa giải thành. Biên bản hòa giải thành phải có chữ ký của các bên tranh chấp và hòa giải viên lao động.

+ Trường hợp phương án hòa giải không được chấp nhận hoặc có bên tranh chấp đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý

do chính đáng thì hòa giải viên lao động lập biên bản hòa giải không thành. Biên bản hòa giải không thành phải có chữ ký của bên tranh chấp có mặt và hòa giải viên lao động.

4. Bản sao biên bản hòa giải thành hoặc hòa giải không thành phải được gửi cho các bên tranh chấp trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.

5. Trường hợp một trong các bên không thực hiện các thỏa thuận trong biên bản hòa giải thành thì bên kia có quyền yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động hoặc Tòa án giải quyết.

Điều 14. Trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp lao động tập thể về quyền

1. Tranh chấp lao động tập thể về quyền phải được giải quyết thông qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động trước khi yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động hoặc Tòa án giải quyết.

2. Trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp lao động tập thể về quyền được thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 13 Quy chế này.

3. Đối với tranh chấp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 179 của Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 mà xác định có hành vi vi phạm pháp luật thì hòa giải viên lao động lập biên bản và chuyển hồ sơ, tài liệu đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp lao động tập thể về lợi ích

1. Tranh chấp lao động tập thể về lợi ích phải được giải quyết thông qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động trước khi yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động giải quyết hoặc tiến hành thủ tục đình công.

2. Trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp lao động tập thể về lợi ích được thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 13 Quy chế này.

Trong quá trình hòa giải, Hòa giải viên hỗ trợ các bên thương lượng trên cơ sở tôn trọng lợi ích hợp pháp của nhau; tổ chức các buổi đối thoại có định hướng để các bên xem xét khả năng tài chính của doanh nghiệp và tính hợp lý, khả thi của các yêu cầu nhằm đạt được thỏa thuận chung.

3. Trường hợp hòa giải thành, biên bản hòa giải thành phải bao gồm đầy đủ nội dung các bên đã đạt được thỏa thuận, có chữ ký của các bên tranh chấp và hòa giải viên lao động. Biên bản hòa giải thành có giá trị pháp lý như thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp.

Chương VI

CHẾ ĐỘ, ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 16. Chế độ, điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động

Hòa giải viên lao động được hưởng các chế độ theo quy định tại Điều 96 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP, cụ thể:

1. Mỗi ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động do cơ quan có thẩm quyền cử được hưởng tiền bồi dưỡng mức 5% tiền lương tối thiểu tháng tính bình quân các vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ.

2. Được cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi đang công tác tạo điều kiện bố trí thời gian thích hợp để tham gia thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động theo quy định.

3. Được áp dụng chế độ công tác phí quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước trong thời gian thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động theo quy định.

4. Được tham gia tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ do cấp có thẩm quyền tổ chức.

5. Được khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua - Khen thưởng về thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động theo quy định.

6. Được hưởng các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Đảm bảo chế độ, điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động

Sở Nội vụ, Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm đảm bảo chế độ, điều kiện làm việc cho hòa giải viên lao động, cụ thể:

1. Cơ quan cử hòa giải viên lao động quy định tại Điều 7 Quy chế này có trách nhiệm bố trí địa điểm, phương tiện làm việc, tài liệu, văn phòng phẩm và các điều kiện cần thiết khác để hòa giải viên lao động làm việc.

2. Kinh phí chi trả các chế độ, điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động do ngân sách nhà nước bảo đảm. Việc lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Trên cơ sở đề xuất của Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Nội vụ tổng hợp và chủ trì, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đối với hòa giải viên

lao động có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ hòa giải tranh chấp lao động và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nội vụ

a) Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn.

b) Lập và thực hiện kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động hằng năm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Cử hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ giải quyết tranh chấp và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động theo phân cấp quản lý; bảo đảm điều kiện làm việc đối với hòa giải viên lao động; đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động; thực hiện chế độ bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng đối với hòa giải viên lao động; thực hiện quản lý hồ sơ hòa giải viên lao động, hồ sơ các vụ việc giải quyết tranh chấp và các tài liệu liên quan khác.

d) Chủ trì, phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho hòa giải viên lao động.

đ) Thực hiện kiểm tra, giám sát công tác hòa giải lao động theo quy định của pháp luật.

e) Hằng năm, tổng hợp tình hình hòa giải lao động báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã bảo đảm kinh phí cho hoạt động hòa giải tranh chấp lao động tại địa bàn theo đề xuất của Phòng Văn hóa - Xã hội trong ngân sách địa phương theo Quy chế này.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội cấp xã

a) Thực hiện quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn theo phân cấp.

b) Lập và thực hiện kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động hằng năm theo phân cấp.

c) Cử hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ giải quyết tranh chấp và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động theo phân cấp quản lý; bảo đảm điều kiện làm

việc cho hòa giải viên lao động; đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động, thực hiện chế độ bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng đối với hòa giải viên lao động; quản lý, lưu trữ hồ sơ các vụ việc giải quyết tranh chấp và các tài liệu liên quan khác.

d) Cử hòa giải viên lao động tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho hòa giải viên lao động do Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ tổ chức.

đ) Hằng năm, tổng hợp tình hình hòa giải lao động trên địa bàn báo cáo Sở Nội vụ.

4. Trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở và người lao động

a) Doanh nghiệp, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở và người lao động có trách nhiệm phối hợp với hòa giải viên lao động giải quyết tranh chấp lao động trên nguyên tắc thiện chí, trung thực.

b) Cung cấp đầy đủ, kịp thời các hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung tranh chấp (hợp đồng lao động, bảng lương, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động và các tài liệu khác có liên quan) cho Hòa giải viên lao động theo yêu cầu, thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu của Hòa giải viên.

Nếu không cung cấp thông tin, hồ sơ hoặc không tham gia phiên họp theo yêu cầu chính đáng của Hòa giải viên, Hòa giải viên có thể lập biên bản ghi nhận hành vi không hợp tác và xem xét đình chỉ việc hòa giải do thiếu căn cứ xử lý hoặc chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

c) Tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở phối hợp, hỗ trợ với hòa giải viên lao động giải quyết tranh chấp lao động.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung

Quy chế này được quán triệt và triển khai đến các hòa giải viên lao động và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và các cá nhân có liên quan. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc; Sở Nội vụ kịp thời ghi nhận, báo cáo và kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hoặc sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với thực tế.